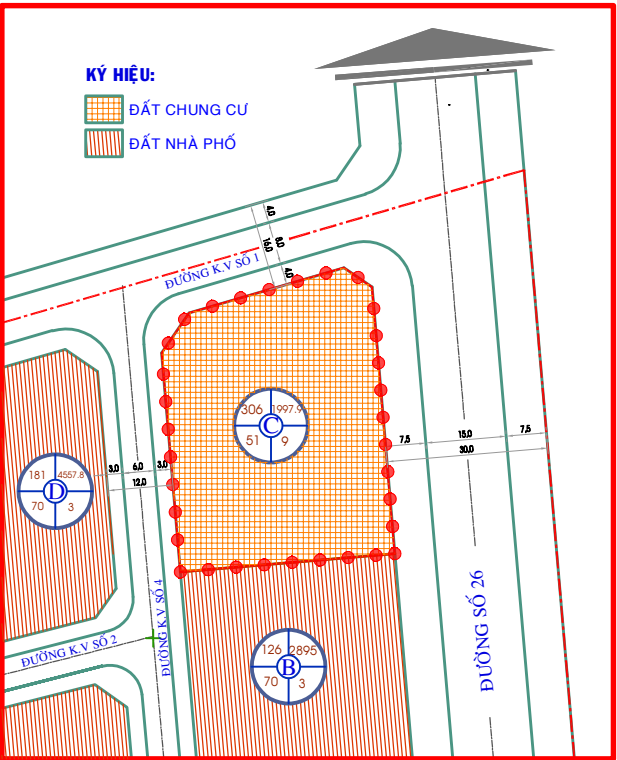


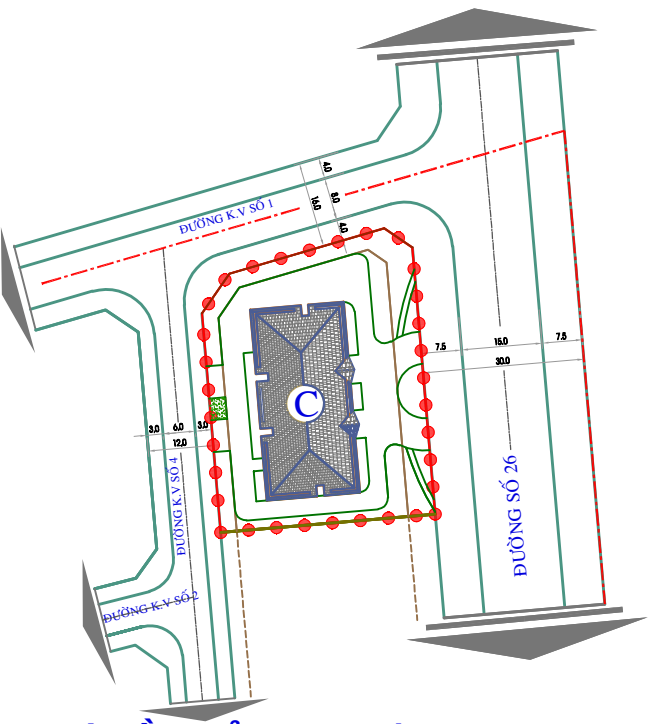
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUI HOẠCH CHI TIẾT 1/500
KHU NHÀ Ở CÔNG TY TÂN NHÃ VINH 4Ha1921, PHƯỜNG THỜI AN, QUẬN 12

CHỈ TIÊU QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH

- DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT XD: 14.985,40 M²
- MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TOÀN KHU: 35,75%
- TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XD: 51.172,20 M²
- HỀ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT: 1,22
- QUY MÔ DÂN SỐ: 1.051 NGƯỜI



BẢN ĐỒ QUI HOẠCH
TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT TL: 1/500
(Duyệt kèm Quyết định số 372/QĐ-UBND-ĐT ngày 01/10/2008 và
Quyết định số 1124/QĐ-UBND-ĐT ngày 08/06/2017)



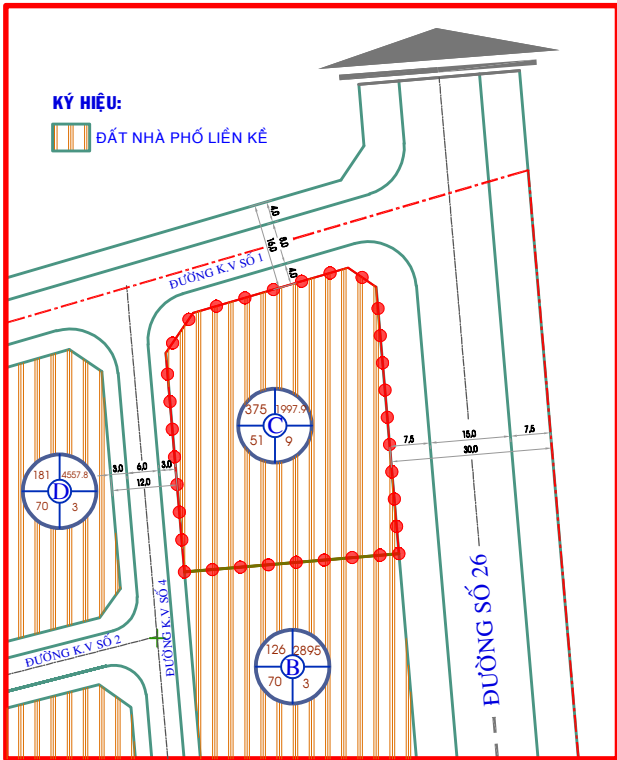
VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUI HOẠCH
TỶ LỆ: 1/500

Trước khi điều chỉnh qui hoạch

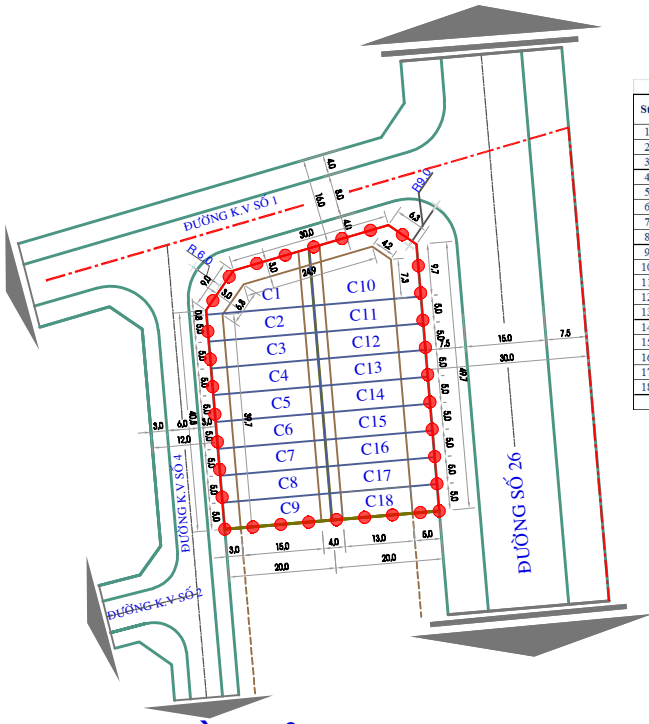
CHỈ TIÊU QUI HOẠCH KIẾN TRÚC LÔ C SAU KHI ĐIỀU CHỈNH	
Tổng diện tích khu vực điều chỉnh cục bộ qui hoạch:	1.997,9m ²
- Số lượng căn hộ:	102 căn hộ
- Mật độ xây dựng đất:	4,66
- Mật độ xây dựng:	51%
- Tầng cao xây dựng:	9 tầng
- Chiều cao xây dựng:	38,6m
- Khoảng lùi công trình:	
+ So với B giới đường giao thông tiếp giáp:	9,14m
+ So với ranh khu đất xây dựng chung cư:	≥ 6m

CHỈ TIÊU QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC SAU ĐIỀU CHỈNH

- DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT XD: 14.949,86 M²
- MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TOÀN KHU: 35,66%
- TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XD: 44.849,58 M²
- HỀ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT: 1,07
- QUY MÔ DÂN SỐ: 748 NGƯỜI



BẢN ĐỒ QUI HOẠCH
TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT TL: 1/500
Sau khi điều chỉnh qui hoạch



VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUI HOẠCH
TỶ LỆ: 1/500

Sau khi điều chỉnh qui hoạch

CHỈ TIÊU QUI HOẠCH KIẾN TRÚC LÔ C SAU KHI ĐIỀU CHỈNH	
Tổng diện tích khu vực điều chỉnh cục bộ qui hoạch:	1.997,9m ²
- Số lượng nền:	18 nền nhà phố liền kề
- Diện tích:	100 - 241,47m ²
- Mật độ xây dựng trung bình:	70%
- Tầng cao xây dựng:	3 tầng
- Chiều cao xây dựng:	13,6m
- Khoảng lùi công trình:	
+ So với lộ giới đường 26	5m
+ So với lộ giới đường khu vực số 1:	3m
+ So với lộ giới đường khu vực số 4:	3m
+ Khoảng lùi sau:	2m

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐẠI							
Stt	Loại đất	Trước khi điều chỉnh		Sau khi điều chỉnh		Chi tiêu (m²/người)	Chi tiêu (m²/người)
		Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)		
1	Đất ở	20.890,87	49,83	19,88	20.890,87	49,83	27,93
	Đất nhà ở liền kề có sân vườn	18.892,97			20.890,87		
	Đất XD chung cư	1.997,90					
2	Đất công trình công cộng	741,20	1,77	0,7	741,20	1,77	0,99
3	Đất cây xanh	2.679,60	6,39	2,55	2.679,60	6,39	3,58
4	Đất giao thông đối nội	6.700,13	15,98	6,35	6.700,13	15,98	8,96
5	Đất giao thông đối ngoại	10.909,20	26,03	10,38	10.909,20	26,03	14,58
	Tổng cộng	41.921,00	100,00		41.921,00	100,00	

BẢNG TỔNG DIỆN TÍCH CÁC LÔ C				
Stt	Tên lô đất	Tên nền	Diện tích (m ²)	Mật độ XD (%)
1		C1	156,42	75,75
2		C2	100,00	74,97
3		C3	100,00	75,00
4		C4	100,00	75,00
5		C5	100,00	75,00
6		C6	100,00	75,00
7		C7	100,00	75,00
8		C8	100,00	75,00
9		C9	100,00	75,00
10		C10	241,47	115,86
11		C11	100,00	65,00
12		C12	100,00	65,00
13		C13	100,00	65,00
14		C14	100,00	65,00
15		C15	100,00	65,00
16		C16	100,00	65,00
17		C17	100,00	65,00
18		C18	100,00	65,00
	Cộng		1.997,9	1.311,58



MẶT ĐỨNG TRỰC ĐƯỜNG KV SỐ 26

chiều cao theo quy hoạch cụ thể là 10,5m, chỉnh lại cho đồng bộ toàn dự
TH HIỆN THM MẶT ĐỨNG CÁC TRỤC DƯƠNG

KHU VỰC XIN PHÉP ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUI HOẠCH S= 1.997,9M²

ĐẤT DỰ TRÙ

ĐƯỜNG K.V SỐ 1

ĐƯỜNG K.V SỐ 2

ĐƯỜNG K.V SỐ 3

ĐƯỜNG K.V SỐ 4

ĐƯỜNG K.V SỐ 5

ĐƯỜNG K.V SỐ 6

ĐƯỜNG K.V SỐ 7

ĐƯỜNG K.V SỐ 8

ĐƯỜNG K.V SỐ 9

ĐƯỜNG K.V SỐ 10

ĐƯỜNG K.V SỐ 11

ĐƯỜNG K.V SỐ 12

ĐƯỜNG K.V SỐ 13

ĐƯỜNG K.V SỐ 14

ĐƯỜNG K.V SỐ 15

ĐƯỜNG K.V SỐ 16

ĐƯỜNG K.V SỐ 17

ĐƯỜNG K.V SỐ 18

ĐƯỜNG K.V SỐ 19

ĐƯỜNG K.V SỐ 20

ĐƯỜNG K.V SỐ 21

ĐƯỜNG K.V SỐ 22

ĐƯỜNG K.V SỐ 23

ĐƯỜNG K.V SỐ 24

ĐƯỜNG K.V SỐ 25

ĐƯỜNG K.V SỐ 26

ĐƯỜNG K.V SỐ 27

ĐƯỜNG K.V SỐ 28

ĐƯỜNG K.V SỐ 29

ĐƯỜNG K.V SỐ 30

ĐƯỜNG K.V SỐ 31

ĐƯỜNG K.V SỐ 32

ĐƯỜNG K.V SỐ 33

ĐƯỜNG K.V SỐ 34

ĐƯỜNG K.V SỐ 35

ĐƯỜNG K.V SỐ 36

ĐƯỜNG K.V SỐ 37

ĐƯỜNG K.V SỐ 38

ĐƯỜNG K.V SỐ 39

ĐƯỜNG K.V SỐ 40

ĐƯỜNG K.V SỐ 41

ĐƯỜNG K.V SỐ 42

ĐƯỜNG K.V SỐ 43

ĐƯỜNG K.V SỐ 44

ĐƯỜNG K.V SỐ 45

ĐƯỜNG K.V SỐ 46

ĐƯỜNG K.V SỐ 47

ĐƯỜNG K.V SỐ 48

ĐƯỜNG K.V SỐ 49

ĐƯỜNG K.V SỐ 50

ĐƯỜNG K.V SỐ 51

ĐƯỜNG K.V SỐ 52

ĐƯỜNG K.V SỐ 53

ĐƯỜNG K.V SỐ 54

ĐƯỜNG K.V SỐ 55

ĐƯỜNG K.V SỐ 56

ĐƯỜNG K.V SỐ 57

ĐƯỜNG K.V SỐ 58

ĐƯỜNG K.V SỐ 59

ĐƯỜNG K.V SỐ 60

ĐƯỜNG K.V SỐ 61

ĐƯỜNG K.V SỐ 62

ĐƯỜNG K.V SỐ 63

ĐƯỜNG K.V SỐ 64

ĐƯỜNG K.V SỐ 65

ĐƯỜNG K.V SỐ 66

ĐƯỜNG K.V SỐ 67

ĐƯỜNG K.V SỐ 68

ĐƯỜNG K.V SỐ 69

ĐƯỜNG K.V SỐ 70

ĐƯỜNG K.V SỐ 71

ĐƯỜNG K.V SỐ 72

ĐƯỜNG K.V SỐ 73

ĐƯỜNG K.V SỐ 74

ĐƯỜNG K.V SỐ 75

ĐƯỜNG K.V SỐ 76

ĐƯỜNG K.V SỐ 77

ĐƯỜNG K.V SỐ 78

ĐƯỜNG K.V SỐ 79

ĐƯỜNG K.V SỐ 80

ĐƯỜNG K.V SỐ 81

ĐƯỜNG K.V SỐ 82

ĐƯỜNG K.V SỐ 83

ĐƯỜNG K.V SỐ 84

ĐƯỜNG K.V SỐ 85

ĐƯỜNG K.V SỐ 86

ĐƯỜNG K.V SỐ 87

ĐƯỜNG K.V SỐ 88

ĐƯỜNG K.V SỐ 89

ĐƯỜNG K.V SỐ 90

ĐƯỜNG K.V SỐ 91

ĐƯỜNG K.V SỐ 92

ĐƯỜNG K.V SỐ 93

ĐƯỜNG K.V SỐ 94

ĐƯỜNG K.V SỐ 95

ĐƯỜNG K.V SỐ 96

ĐƯỜNG K.V SỐ 97

ĐƯỜNG K.V SỐ 98

ĐƯỜNG K.V SỐ 99

ĐƯỜNG K.V SỐ 100

ĐƯỜNG K.V SỐ 101

ĐƯỜNG K.V SỐ 102

ĐƯỜNG K.V SỐ 103

ĐƯỜNG K.V SỐ 104

ĐƯỜNG K.V SỐ 105

ĐƯỜNG K.V SỐ 106

ĐƯỜNG K.V SỐ 107

ĐƯỜNG K.V SỐ 108

ĐƯỜNG K.V SỐ 109

ĐƯỜNG K.V SỐ 110

ĐƯỜNG K.V SỐ 111

ĐƯỜNG K.V SỐ 112

ĐƯỜNG K.V SỐ 113

ĐƯỜNG K.V SỐ 114

ĐƯỜNG K.V SỐ 115

ĐƯỜNG K.V SỐ 116

ĐƯỜNG K.V SỐ 117

ĐƯỜNG K.V SỐ 118

ĐƯỜNG K.V SỐ 119

ĐƯỜNG K.V SỐ 120

ĐƯỜNG K.V SỐ 121

ĐƯỜNG K.V SỐ 122

ĐƯỜNG K.V SỐ 123

ĐƯỜNG K.V SỐ 124

ĐƯỜNG K.V SỐ 125

ĐƯỜNG K.V SỐ 126

ĐƯỜNG K.V SỐ 127

ĐƯỜNG K.V SỐ 128

ĐƯỜNG K.V SỐ 129

ĐƯỜNG K.V SỐ 130

ĐƯỜNG K.V SỐ 131

ĐƯỜNG K.V SỐ 132

ĐƯỜNG K.V SỐ 133

ĐƯỜNG K.V SỐ 134

ĐƯỜNG K.V SỐ 135

ĐƯỜNG K.V SỐ 136

ĐƯỜNG K.V SỐ 137

ĐƯỜNG K.V SỐ 138

ĐƯỜNG K.V SỐ 139

ĐƯỜNG K.V SỐ 140

ĐƯỜNG K.V SỐ 141

ĐƯỜNG K.V SỐ 142

ĐƯỜNG K.V SỐ 143

ĐƯỜNG K.V SỐ 144

ĐƯỜNG K.V SỐ 145

ĐƯỜNG K.V SỐ 146

ĐƯỜNG K.V SỐ 147

ĐƯỜNG K.V SỐ 148

ĐƯỜNG K.V SỐ 149

ĐƯỜNG K.V SỐ 150

ĐƯỜNG K.V SỐ 151

ĐƯỜNG K.V SỐ 152

ĐƯỜNG K.V SỐ 153

ĐƯỜNG K.V SỐ 154

ĐƯỜNG K.V SỐ 155

ĐƯỜNG K.V SỐ 156

ĐƯỜNG K.V SỐ 157

ĐƯỜNG K.V SỐ 158

ĐƯỜNG K.V SỐ 159

ĐƯỜNG K.V SỐ 160

ĐƯỜNG K.V SỐ 161

ĐƯỜNG K.V SỐ 162

ĐƯỜNG K.V SỐ 163

ĐƯỜNG K.V SỐ 164

ĐƯỜNG K.V SỐ 165

ĐƯỜNG K.V SỐ 166

ĐƯỜNG K.V SỐ 167

ĐƯỜNG K.V SỐ 168

ĐƯỜNG K.V SỐ 169

ĐƯỜNG K.V SỐ 170

ĐƯỜNG K.V SỐ 171

ĐƯỜNG K.V SỐ 172

ĐƯỜNG K.V SỐ 173

ĐƯỜNG K.V SỐ 174

ĐƯỜNG K.V SỐ 175

ĐƯỜNG K.V SỐ 176

ĐƯỜNG K.V SỐ 177

ĐƯỜNG K.V SỐ 178

ĐƯỜNG K.V SỐ 179

ĐƯỜNG K.V SỐ 180

ĐƯỜNG K.V SỐ 181

ĐƯỜNG K.V SỐ 182

ĐƯỜNG K.V SỐ 183

ĐƯỜNG K.V SỐ 184

ĐƯỜNG K.V SỐ 185

ĐƯỜNG K.V SỐ 186

ĐƯỜNG K.V SỐ 187

ĐƯỜNG K.V SỐ 188

ĐƯỜNG K.V SỐ 189

ĐƯỜNG K.V SỐ 190

ĐƯỜNG K.V SỐ 191

ĐƯỜNG K.V SỐ 192

ĐƯỜNG K.V SỐ 193

ĐƯỜNG K.V SỐ 194

ĐƯỜNG K.V SỐ 195

ĐƯỜNG K.V SỐ 196

ĐƯỜNG K.V SỐ 197

ĐƯỜNG K.V SỐ 198

ĐƯỜNG K.V SỐ 199

ĐƯỜNG K.V SỐ 200

ĐƯỜNG K